

Số: 55 /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 10 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Tăng cường công tác quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị;

Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 25/01/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tăng cường công tác quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 299/STNMT-MT ngày 31 tháng 01 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này “Đề án Tăng cường công tác quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực chủ trì triển khai thực hiện Đề án; đồng thời phối hợp, đôn đốc với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức thực hiện Đề án được phê duyệt kèm theo Quyết định này, đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật; định kỳ hằng năm báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án đúng thời gian quy định.

2. Giao các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, hằng năm xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức thực hiện Đề án phê duyệt kèm theo Quyết định này, đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đúng quy định và báo cáo đánh giá kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) đúng thời gian quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- VPUB: LĐ, VXVN, BTCĐNC, TTPVHCC;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Huyền



ĐỀ ÁN

Cường công tác quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
(Kèm theo Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Phần I

SỰ CẦN THIẾT, QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

a) Văn bản do Trung ương ban hành:

- Luật Đất đai năm 2013, Luật Khoáng sản năm 2010, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các Nghị định, Thông tư, văn bản dưới luật khác hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, Luật Khoáng sản, Luật Bảo vệ môi trường của Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương.

- Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050; Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị.

b) Văn bản do tỉnh Ninh Thuận ban hành:

- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 29/10/2020 Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Chương trình số 09-CTr/TU ngày 07/12/2020 của Tỉnh ủy Ninh Thuận hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Chỉ thị số 33-CT/TU ngày 13/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Tiếp tục thực hiện hiệu quả chủ trương xây dựng và phát triển Ninh Thuận xanh-sạch-đẹp đến năm 2025”.

- Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 120/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận 5 năm 2021 - 2025.

- Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách Nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2023.

- Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 25/01/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Chương trình hành động số 144-CTr/BCSD ngày 08/3/2022 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 25/01/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030,

- Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tăng cường công tác quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Cơ sở thực tiễn và bối cảnh xây dựng Đề án

Công tác quản lý đất đai (ĐĐ), tài nguyên khoáng sản (TNKS) và bảo vệ môi trường (BVMT) ngày càng được Đảng và Nhà nước quan tâm coi trọng; tổ chức bộ máy, hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách từng bước được hoàn thiện; các chủ trương, chính sách pháp luật về ĐĐ, TNKS, BVMT được các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể nghiêm túc triển khai thực hiện. Chính sách giao đất ổn định, lâu dài cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng gắn với các quy định về quyền của người sử dụng đất (SDĐ) đã góp phần quan trọng vào việc xóa đói, giảm nghèo và với các quy định về giá trị của ĐĐ, TNKS cũng đã tạo điều kiện để ĐĐ, TNKS trở thành nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế, ổn định xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Phương thức quản lý và giải quyết các vấn đề về môi trường đã chuyển từ bị động ứng phó sang chủ động kiểm soát, phòng ngừa; các dự án có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường (ONMT) được kiểm soát, tốc độ gia tăng ONMT đang dần được kiềm chế.

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác quản lý nhà nước về ĐĐ, TNKS và BVMT vẫn còn có những tồn tại, hạn chế, chưa phát huy hết tối đa nguồn lực này phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững; công tác giải phóng mặt bằng một số công trình dự án vẫn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, tiến độ chậm; tình trạng lấn chiếm ĐĐ, SDĐ sai mục đích vẫn còn xảy ra; việc giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) về cấp Giấy chứng nhận quyền SDĐ có nơi còn chậm...; một số dự án đầu tư còn kéo dài, chậm tiến độ, hiệu quả SDĐ chưa cao; công tác cấp phép thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản chưa nhiều, việc khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường manh mún, nhỏ lẻ, hoạt động khai thác

khoáng sản trái phép chưa được ngăn chặn triệt để, nhất là khai thác, vận chuyển trái phép đất cát san lấp, đá chẻ, cát sỏi lòng sông; công tác phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm các nguồn thải từ các hoạt động sản xuất và hạ tầng kỹ thuật môi trường đô thị còn nhiều hạn chế, tình trạng ONMT cục bộ tại một vài nhà máy, cơ sở sản xuất kinh doanh vẫn xảy ra. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém nêu trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng do chủ quan là chính; nhận thức và ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và người dân chưa đầy đủ; bộ máy quản lý còn bất cập, hệ thống pháp luật, còn chồng chéo; nguồn lực thực hiện quản lý, sử dụng ĐĐ, TNKS và BVMT còn thiếu và chậm được đổi mới; công tác thanh tra, kiểm tra thực thi pháp luật chưa đáp ứng yêu cầu. Các quy định pháp luật về ĐĐ, TNKS và BVMT đã bộc lộ một số hạn chế, yếu kém, thực thi kém, như thiếu tính khả thi, còn chồng chéo với một số luật liên quan^[1]. Một số điều, khoản chỉ quy định về nguyên tắc nhưng không giao cơ quan nào quy định chi tiết thi hành dẫn đến thiếu tính khả thi, không được triển khai trên thực tế; thiếu hành lang pháp lý trong phối hợp liên ngành, liên tỉnh giải quyết sự cố môi trường diễn ra trên diện rộng.

Năm 2021, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XV, là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) 5 năm 2021 - 2025 và Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021 - 2030. Bên cạnh những thuận lợi, thế và lực của tỉnh ta đã lớn mạnh; kinh tế vĩ mô ổn định, đời sống của Nhân dân không ngừng được nâng lên; tình hình chính trị - xã hội ổn định, cùng với những nền tảng, sức bật từ những thành tựu đổi mới của tỉnh trong những năm qua và định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới, chúng ta tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Tác động, ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu (BĐKH) ngày càng nghiêm trọng, diễn biến nhanh và sẽ còn tiếp diễn tác động tiêu cực đến phát triển. Công nghiệp hóa, đô thị hóa là xu thế tất yếu dẫn đến sự chuyển dịch về ĐĐ, gia tăng sử dụng các tài nguyên khoáng sản, nước, biển,... đòi hỏi phải có đồng bộ các chính sách, chiến lược, quy hoạch; áp lực lên môi trường sinh thái chưa giảm trong thời gian ngắn. Trong bối cảnh đó, cần tiếp tục đổi mới tư duy phát triển, hành động quyết liệt hơn, để phát huy hiệu quả quản lý, sử dụng ĐĐ, TNKS và BVMT, chủ động ứng phó với BĐKH cho phát triển của tỉnh trong những năm tới, tạo nền tảng vững chắc cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển tỉnh trong 5 năm, 10 năm tới, đưa Tỉnh Ninh Thuận trở thành tỉnh phát triển bền vững, thu nhập cao.

3. Dự báo vấn đề liên quan đến đất đai, tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường

Ninh Thuận là một trong những địa phương chịu tác động thường xuyên liên tục của BĐKH, hiện tượng hạn hán, thiếu nước xảy ra liên tiếp ở nhiều nơi và để tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng; ưu tiên phát triển các lĩnh vực trọng điểm: năng lượng sạch, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến và kinh tế đô thị. Phát triển kinh tế

^[1] Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Tài nguyên nước, Luật Khoáng sản, Luật Quy hoạch, Luật Thủy lợi.

biến thật sự trở thành động lực, phấn đấu đến năm 2025 kinh tế biển chiếm khoảng 41-42% GRDP của tỉnh, đặc biệt là trong các bối cảnh sự biến đổi quá nhanh chóng và phức tạp của thế giới sau đại dịch COVID và các vấn đề thích ứng với BĐKH trên phạm vi toàn cầu, Tỉnh Ninh Thuận còn phải đối mặt với một số thách thức môi trường từ các dự án phát triển kinh tế - xã hội như: sản xuất nông, lâm, thủy sản; năng lượng tái tạo, xây dựng hạ tầng giao thông, đô thị, các dự án phát triển kinh tế biển^[2] và thực hiện chỉ tiêu về ĐĐ, TNKS và BVMT đến năm 2025, như: đo đạc, lập bản đồ, hồ sơ địa chính; xây dựng cơ sở dữ liệu ĐĐ, TNKS và BVMT; chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất, đô thị hóa, độ che phủ rừng; đấu giá quyền khai thác khoáng sản; thay thế cát sỏi lòng sông bằng cát nghiền nhân tạo; sử dụng nước sạch ở đô thị, nước hợp vệ sinh ở nông thôn; xử lý nước thải các khu, cụm công nghiệp; thu gom, xử lý nước thải, rác thải,... theo đó, các vấn đề về ĐĐ, TNKS và BVMT cần ưu tiên tầm soát đánh giá và có giải pháp quản lý chủ động, phù hợp, hiệu quả đáp ứng cho nhu cầu thực tiễn phát sinh, đáp ứng cho phát triển KT-XH bền vững trong thời gian tới.

4. Sự cần thiết ban hành Đề án

Từ căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, để tăng cường và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trong quản lý, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả ĐĐ, TNKS, gắn với giải quyết các vấn đề cấp bách về BVMT, phát huy lợi thế nguồn lực này trong thời gian tới, đáp ứng cho phát triển bền vững, đồng thời khắc phục các hạn chế, tồn tại trong quản lý, khai thác, sử dụng, làm cho nó thực sự là nguồn lực quan trọng, góp phần thực hiện thành công mục tiêu tiêu phát triển KT-XH 5 năm 2021 - 2025 của tỉnh, đồng thời cụ thể hóa để thực hiện, đưa Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh thực sự đi vào cuộc sống, nên việc xây dựng, ban hành Đề án “Tăng cường công tác quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” là cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Quan điểm

- Đất đai, tài nguyên khoáng sản là tài nguyên đặc biệt, có hạn, là một trong những nguồn lực quan trọng trong phát triển KT-XH của tỉnh; bảo vệ môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố tiên quyết cho phát triển KT-XH bền vững, không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế, chú trọng BVMT, nhất là môi trường rừng, biển, môi trường các khu đô thị, khu dân cư và các khu, cụm công nghiệp.

- Quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường có ý nghĩa đặc biệt, tầm ảnh hưởng lớn, tác động qua lại, quyết định sự phát triển bền vững

^[2]. Phát triển các nhà máy điện gió trên biển quy mô công suất khoảng 1.220 MW đồng và hệ thống lưới điện truyền tải, phân phối điện; Nhà máy điện Tuabin khí hỗn hợp công suất 1.500MW (02 tổ máy) và kho chứa, cảng LNG 1,2 triệu tấn/năm (giai đoạn 1) tại xã Phước Diêm, huyện Thuận Nam (theo Đề án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ/500) khu vực tổ hợp điện khí LNG được UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt tại Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 14/10/2020); Dự án xây dựng cảng tổng hợp Cà Ná quy mô 300.000T; phát triển KCN Du Long, KCN Phước Nam, đặc biệt KCN Cà Ná; Dự án khu đô thị mới ven đầm Nai, huyện Ninh Hải; Các dự án dự lịch: Dự án Khu du lịch Mũi Dinh Ecopark; Dự án Ninh Chữ Sailing Bay; Dự án Subay Park Hotret & Resort,... (Báo cáo Chính trị Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025 (Báo cáo số 474-BC/TU ngày 02/10/2020 của Tỉnh ủy và Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh 5 năm 2021-2025 của tỉnh)

của xã hội; là cơ sở, tiền đề cho hoạch định đường lối, chính sách phát triển KT-XH, trong đó, ĐĐ là nguồn lực đột phá cần phải được sử dụng có hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế và đáp ứng tốt các yêu cầu về xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng và an sinh xã hội; là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của cả hệ thống chính trị, là trách nhiệm và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư, trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự tham gia, giám sát của toàn xã hội.

- Việc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng nguồn lực ĐĐ, TNKS và BVMT phải đảm bảo nguyên tắc: Đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và chuyển hóa nguồn lực này thành động lực phát triển KT-XH, vừa là mục tiêu, vừa là những nội dung cơ bản của phát triển nền kinh tế xanh và bền vững. Có cơ chế, chính sách cụ thể, khả thi để quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả ĐĐ, TNKS hướng vào các trọng điểm phát triển của tỉnh.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát: Nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy, chính quyền trong công tác quản lý ĐĐ, TNKS và BVMT trên địa bàn tỉnh; sử dụng hợp lý, hiệu quả, bền vững đất đai, khoáng sản và đảm bảo môi trường để tạo động lực phát triển KT-XH của tỉnh; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, hành động trong quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực này; khắc phục cơ bản các tồn tại, hạn chế, bất cập trong quản lý, sử dụng ĐĐ, TNKS và BVMT.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2021-2025:

- Tạo sự chuyển biến căn bản trong nhận thức và nâng cao vai trò của các cấp ủy đảng, chính quyền, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong quản lý, bảo vệ và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, nguồn tài nguyên ĐĐ, TNKS và BVMT của tỉnh, đảm bảo phát triển bền vững.

- Hoàn thiện đồng bộ hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, công cụ hiệu quả khả thi về tài nguyên môi trường, gia tăng nguồn thu từ đất đai, khoáng sản; hoàn thành việc đo đạc, lập quy hoạch, kế hoạch SDD và bổ sung cập nhật quy hoạch khoáng vật liệu xây dựng thông thường, quy hoạch BVMT gắn với quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng và lãnh thổ;

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về ĐĐ, TNKS và BVMT; ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin trong quản lý, khai thác, giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai, khoáng sản, môi trường trực tuyến trên môi trường điện tử đạt mức độ 3, 4.

- Đẩy mạnh công tác quản lý chất lượng môi trường, nâng cao năng lực quan trắc, kiểm soát tốt các nguồn chất thải và giám sát chặt chẽ chất lượng môi trường đất, nước, không khí, đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp theo định hướng phát triển nền kinh tế xanh, an toàn, bền vững.

b) Giai đoạn 2026 - 2030:

- Tiếp tục nâng cao nhận thức và năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy, chính quyền trong công tác quản, khai thác sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên đất đai, khoáng sản, tạo động lực thúc đẩy phát triển KT-XH của tỉnh.

- Hoàn thiện, đồng bộ cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, bảo đảm cung cấp, chia sẻ dữ liệu cho thực hiện dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp, làm nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh. Đưa ĐĐ, TNKS thực sự là nguồn lực quan trọng phục vụ các mục tiêu phát triển KT-XH gắn với BVMT.

2.3. Chỉ tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2021-2025:

- Hoàn thành công tác kê khai, đăng ký lần đầu các thửa đất đang quản lý, sử dụng trong năm 2022; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với 100% thửa đất đủ điều kiện theo quy định; hoàn thành đo đạc, lập bản đồ, hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; nguồn thu từ đất đai hàng năm tăng bình quân từ 10-15%; 100% diện tích đất công ích được quản lý chặt chẽ, đúng quy định.

- Thực hiện việc cấp phép khai thác khoáng sản chủ yếu thông qua đấu giá; thay thế 30-50% cát sỏi lòng sông bằng cát nghiền nhân tạo; tỷ lệ thu nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 100% và nguồn thu nộp ngân sách hàng năm tăng bình quân từ 20-25%; có ít nhất 30% các doanh nghiệp đầu tư, thay đổi công nghệ khai thác chế biến khoáng sản.

- Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt từ 98,5%, nông thôn 86% trở lên; 100% chất thải rắn y tế, chất thải rắn nguy hại được thu gom, xử lý; 30% tổng lượng nước thải tại các đô thị từ loại II trở lên và 10% đối với các đô thị loại V trở lên được thu gom, xử lý; 100% khu, cụm công nghiệp và cơ sở sản xuất đã đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn; 100% các cơ sở có phát sinh nước thải, khí thải lớn thuộc danh mục quy định phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, trực tuyến; tỷ lệ che phủ rừng đạt 49%; tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch ở đô thị và nước hợp vệ sinh ở nông thôn đạt từ 98% trở lên.

b) Định hướng giai đoạn 2026-2030:

Xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai, tài nguyên khoáng sản và môi trường theo hướng hiện đại; duy trì tỷ lệ tăng thu từ đất đai, tài nguyên khoáng sản; nâng tỷ lệ thay thế cát sỏi lòng sông bằng cát nghiền nhân tạo và thay đổi công nghệ khai thác chế biến khoáng sản trên 50%; phân đấu thu gom, xử lý rác thải đô thị đạt 100%; 100% các khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn; 50% tổng lượng nước thải đô thị loại II trở lên và 20% đối với các đô thị còn lại được thu gom, xử lý.

Phần II

NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ, PHỐI HỢP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Phạm vi thực hiện: Đề án được triển khai thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối tượng thực hiện: Các sở, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố và các đơn vị trực thuộc; UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị trực thuộc; các đơn vị trực thuộc Trung ương quản lý, SDD trên địa bàn tỉnh; tổ chức, cá nhân đang quản lý, sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý.

3. Đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện đề án

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực chủ trì triển khai thực Đề án; đồng thời phối hợp, đôn đốc với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức thực hiện Đề án; các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện Đề án này.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, phát huy những kết quả đã đạt được và khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về ĐĐ, TNKS và BVMT, trong giai đoạn tới, xác định các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp trong công tác, quản lý chặt chẽ các lĩnh vực này để tạo nguồn lực phát triển bền vững, đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý:

1. Nhiệm vụ chung

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng, ban hành đầy đủ các chính sách, quy định chi tiết về quản lý, sử dụng hiệu quả ĐĐ, TNKS, BVMT phù hợp với điều kiện thực tiễn và đảm bảo đúng pháp luật.

- Thực hiện hiệu quả Luật đất đai, Luật khoáng sản, Luật bảo vệ môi trường và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật này; huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, Nhân dân tham gia quản lý, sử dụng hiệu quả ĐĐ, TNKS, BVMT; tăng cường đối thoại doanh nghiệp và Nhân dân về các vấn đề ĐĐ, TNKS, BVMT.

- Đổi mới, sáng tạo, ứng dụng công nghệ hiện đại, viễn thám, công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý ĐĐ, TNKS, BVMT; xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng số, dữ liệu số, thông tin phục vụ quản lý, điều hành thông minh trên nền tảng thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0; đẩy mạnh cải cách hành chính, đảm bảo tính công khai, minh bạch; đổi mới nghiên cứu khoa học, hợp tác hội nhập quốc tế sâu rộng.

- Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ. Kiện toàn tổ chức ngành tài nguyên và môi trường theo quy định của ngành; khuyến khích thành lập và nâng cao năng lực các tổ chức, đơn vị tư vấn, thẩm định giá đất trên địa bàn tỉnh. Nâng cao chất lượng công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch về ĐĐ, TNKS, BVMT theo hướng thống nhất, có tầm nhìn dài hạn, gắn quan tâm với đối tượng chính sách, người nghèo, đối tượng đặc biệt khó khăn; nâng cao trách nhiệm, chất lượng công tác thẩm định hồ sơ ĐĐ, TNKS, BVMT; tăng cường tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tham mưu quản lý về ĐĐ, TNKS, BVMT từ cấp tỉnh đến cấp xã. Thực hiện quản lý, khai thác hiệu quả nguồn thu từ ĐĐ, TNKS; cân đối bố trí đủ kinh phí để thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng hiệu quả về ĐĐ, TNKS, BVMT.

- Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật, đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về xả thải gây ONMT, ô nhiễm nguồn nước; quản lý, sử dụng đất (SĐĐ); hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng các loại khoáng sản, đặc biệt là khai thác cát sỏi; khai thác rừng trái phép và hành vi bao che, buông lỏng quản lý.

2. Nhiệm vụ cụ thể trong từng lĩnh vực

2.1. Về lĩnh vực đất đai:

- Thực hiện điều tra, đánh giá tài nguyên đất, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin, tư liệu về số lượng, chất lượng, tiềm năng và môi trường đất phục vụ cho việc hoạch định chính sách và ban hành quyết định của cơ quan nhà nước trong lĩnh vực quản lý và SĐĐ. Phối hợp định hướng phân bổ phương án sử dụng quỹ đất do nhà nước quản lý một cách hợp lý, tiết kiệm và đúng quy định.

- Tiếp tục rà soát những bất cập trong chính sách, quy định của địa phương để kịp thời cập nhật, sửa đổi, bổ sung thay thế đảm bảo việc triển khai, thực hiện hiệu quả, phù hợp thực tế, nhất là chính sách về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng khuyến khích các đơn vị sự nghiệp; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có đủ điều kiện theo quy định tham gia hoạt động tư vấn giá đất trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thành công tác kê khai đăng ký ĐĐ; xây dựng hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính dạng số và cập nhật, chỉnh lý biến động kịp thời. Xây dựng hệ thống kiểm kê, thông kê ĐĐ được số hóa, tự động hóa, đảm bảo cung cấp số liệu thống kê, kiểm kê nhanh chóng và chính xác.

- Đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, kế hoạch SĐĐ; phân bổ, khai thác, sử dụng tài nguyên ĐĐ hợp lý, hiệu quả và bền vững; đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu SĐĐ phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế trong quá trình phát triển của tỉnh, quan tâm đối tượng chính sách và người có thu nhập thấp; thực hiện công khai các thông tin về quy hoạch để người dân biết, tham gia giám sát; tăng cường quản lý đất rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng thực hiện các dự án phát triển KT-XH đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định.

- Thực hiện giải pháp hữu hiệu và đẩy nhanh tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng để triển khai các dự án phát triển KT-XH bảo đảm hài hoà lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và đặc biệt là lợi ích của người dân; tăng cường năng lực và đẩy mạnh công tác đấu giá đất; tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nhằm đưa công tác quản lý, SDD theo đúng pháp luật.

2.2. Về lĩnh vực khoáng sản:

- Rà soát, điều chỉnh bổ sung, cập nhật quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản (KS), chú trọng các nguồn nguyên liệu sản xuất cát nghiền, vật liệu san lấp phục vụ các công trình trọng điểm, đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển KT-XH của tỉnh.

- Tăng cường công tác hậu kiểm, giám sát hoạt động KS, đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định; kiểm soát chặt chẽ sản lượng khai thác, đảm bảo kê khai, nộp thuế theo đúng khối lượng thực tế khai thác; có các giải pháp hữu hiệu để thu nộp đầy đủ tiền cấp quyền, các nghĩa vụ tài chính theo quy định; kiểm tra việc thực hiện khắc phục toàn diện các tồn tại theo kết luận thanh tra, kiểm toán.

- Rà soát, xử lý dứt điểm các dự án titan; các dự án khai thác, chế biến KS chậm hoặc không triển khai, xử lý theo đúng quy định.

- Đẩy mạnh và triển khai hiệu quả công tác đấu giá quyền khai thác KS; nâng cao chất lượng công tác thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động KS; rà soát, thăm tra năng lực chủ đầu tư, các cơ sở sử dụng công nghệ, thiết bị lạc hậu, yêu cầu cải tạo, nâng cấp, thay thế công nghệ khai thác, chế biến hiện đại thu hồi tối đa KS và thân thiện với môi trường; khuyến khích sản xuất, chế biến các sản phẩm mới nhằm gia tăng hiệu quả, giá trị TNKS.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác bảo vệ KS chưa khai thác; tăng cường trách nhiệm và sự phối hợp của các sở, ngành, địa phương trong công tác quản lý, bảo vệ KS chưa khai thác; tăng cường kiểm tra, ngăn chặn, xử lý nghiêm, dứt điểm ngay khi phát hiện và chấm dứt hoạt động khai thác KS trái phép trên địa bàn tỉnh.

2.3. Về lĩnh vực môi trường:

- Hoàn thành và thực hiện hiệu quả báo cáo đánh giá môi trường (MT) chiến lược của Dự án quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quản lý và kiểm soát chặt chẽ chất lượng MT đất, nước, không khí và các nguồn chất thải; thực hiện hiệu quả quản lý theo Giấy phép MT để kiểm soát ô nhiễm. Không thu hút, loại bỏ dần các dự án đầu tư có công nghệ lạc hậu. Có cơ chế chính sách khuyến khích mạnh mẽ các doanh nghiệp đầu tư xử lý chất thải rắn (CTR), nước thải; đẩy mạnh xã hội hóa công tác thu gom, xử lý chất thải.

- Thực hiện công tác chuẩn bị và tổ chức phân loại CTR tại nguồn; thiết lập hệ thống thu gom, xử lý chất thải đồng bộ; giảm tỷ lệ sử dụng túi nilon và sử

dụng túi nilon thân thiện với môi trường; tái sử dụng, tái chế chất thải, xử lý tuần hoàn và hạn chế tối đa việc chôn lấp rác thải; kiểm soát, quản lý hiệu quả chất thải nguy hại, chất thải y tế; xử lý triệt để điểm tập kết rác không đúng quy định; tăng cường kiểm soát, ngăn chặn, xử lý ONMT nông thôn; thực hiện các tiêu chí MT trong Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới.

- Điều tra, thống kê và xây dựng, thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng không khí của tỉnh; kiểm soát chặt chẽ chất thải các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm cao, có quy mô xả thải lớn, yêu cầu thực hiện nghiêm quy định về lắp đặt hệ thống quan trắc chất thải tự động. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguồn nước mặt, đặc biệt bảo vệ chất lượng nguồn nước sông Cái; đẩy mạnh đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải các đô thị; các khu, cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất công nghiệp và các trang trại chăn nuôi tập trung, cơ sở nuôi trồng thủy sản đã đi vào hoạt động phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định. Rà soát, di dời các cơ sở sản xuất, kinh doanh không đảm bảo đủ điều kiện theo quy định, có nguy cơ ô nhiễm ra khỏi đô thị, khu dân cư. Đẩy mạnh nâng cao năng lực quan trắc môi trường tỉnh. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

3. Giải pháp thực hiện

3.1. Giải pháp về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, nhất là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu công tác quản lý, sử dụng ĐĐ, TNKS, BVMT thông qua việc quán triệt, cụ thể hóa bằng nghị quyết, chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết và xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung, ưu tiên trong chỉ đạo điều hành.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát của các Ban đảng, Đảng đoàn, Tổ chức cơ sở đảng đối với việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý, sử dụng ĐĐ, TNKS, BVMT; xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền nếu để xảy ra các vi phạm tại địa phương mình quản lý.

- Tăng cường nguồn nhân lực chất lượng, kiện toàn tổ chức ngành tài nguyên và môi trường, đảm bảo có đủ các chức năng, nhiệm vụ hoạt động sự nghiệp về định giá đất, đầu tư phát triển quỹ đất, tư vấn các hoạt động về khoáng sản và dịch vụ về môi trường,...; có số lượng cán bộ cấp huyện, xã phù hợp quy mô quản lý và yêu cầu phát triển tại địa phương, đảm bảo tính ổn định, lâu dài.

3.2. Giải pháp về cơ chế, chính sách và tài chính

- Tiếp tục rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về ĐĐ, TNKS, BVMT đề đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, điều chỉnh, thay thế những nội dung còn bất cập, đảm bảo đồng bộ, thống nhất.

- Tổ chức rà soát, nghiên cứu, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về quản lý, sử dụng hiệu quả ĐĐ, TNKS, BVMT thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh, đảm bảo đúng pháp luật, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp điều kiện thực tiễn của tỉnh, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài. Xây dựng các

ơ chế, chính sách về: giá đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất, đấu giá quyền SDD, quyền khai thác khoáng sản; phát triển các doanh nghiệp, dịch vụ gắn với phát triển thị trường bất động sản; khuyến khích đầu tư cải tiến, đổi mới thiết bị, công nghệ, sản xuất sản phẩm mới theo hướng giảm phát thải ô nhiễm, thân thiện với môi trường và nâng cao hiệu quả, giá trị, giá trị sử dụng tài nguyên; tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực ĐĐ, TNKS để đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng phù hợp với tình hình mới gắn với tăng cường quản lý, bảo vệ, phát triển đất rừng; bảo đảm quá trình đầu tư phát triển KT-XH, các công trình, dự án gắn với BVMT xanh, sạch, nhất là BVMT rừng, biển...

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tài chính về ĐĐ, TNKS, BVMT. Đổi mới cơ chế quản lý, đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho quản lý ĐĐ, TNKS, BVMT; cân đối bố trí đủ kinh phí để thực hiện công tác quản lý, sử dụng hiệu quả về ĐĐ, TNKS, BVMT.

3.3. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường

- Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch về ĐĐ, TNKS, BVMT; điều tra, đánh giá tài nguyên ĐĐ, TNKS và BVMT, đảm bảo phục vụ cho việc hoạch định chính sách và ban hành quyết định của cơ quan nhà nước trong quản lý, sử dụng các nguồn tài nguyên. Công khai thông tin về quy hoạch sử dụng ĐĐ, TNKS, BVMT để người dân biết, tham gia giám sát.

- Tăng cường năng lực và đẩy mạnh công tác đấu giá về ĐĐ, TNKS để lựa chọn nhà đầu tư có năng lực, nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng tài nguyên và tăng thu ngân sách; hỗ trợ, khuyến khích các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp có đủ điều kiện để hoạt động tư vấn giá đất trên địa bàn tỉnh; Xây dựng đề án để xem xét đánh giá, xác định giá đất cụ thể khi triển khai các dự án đầu tư phát triển, nhất là ở các vùng trọng điểm và vùng ĐĐ có giá trị cao.

- Tiếp tục xây dựng, phát triển và sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên môi trường. Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý ĐĐ, TNKS, BVMT; xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng số, dữ liệu số, thông tin phục vụ quản lý, điều hành thông minh trên nền tảng thành tựu của Cách mạng công nghiệp 4.0.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước, triển khai thực hiện hiệu quả nhiệm vụ trọng tâm và các kế hoạch đột phá, bứt phá nhằm nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng ĐĐ, TNKS, BVMT. Xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch SDD, nhất là đất ở cho các đối tượng chính sách và người có thu nhập thấp. Tăng cường quản lý đất rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng thực hiện các dự án phát triển KT-XH đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định. Quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản; giám sát xử lý nghiêm các hành vi gây ONMT; không thu hút, loại bỏ dần các dự án đầu tư có công nghệ lạc hậu, gây ONMT.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là thực hiện các TTHC trên các lĩnh vực ĐĐ, TNKS, BVMT liên thông từ tỉnh đến cấp xã và thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

- Tập trung tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc về ĐĐ, TNKS, BVMT để tạo điều kiện hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp ổn định sản xuất và phát triển; khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực tài nguyên môi trường theo hướng nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng ĐĐ, TNKS, BVMT.

3.4. Giải pháp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức

- Triển khai kịp thời và thực hiện hiệu quả quy định pháp luật về ĐĐ, TNKS, BVMT; tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về quản lý, sử dụng hiệu quả ĐĐ, TNKS, BVMT để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động, góp phần củng cố niềm tin, tạo đồng thuận trong toàn xã hội và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên các doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân hưởng ứng, tham gia tích cực, góp phần củng cố niềm tin, tạo đồng thuận trong toàn xã hội và nâng cao hiệu quả công tác quản lý ĐĐ, TNKS, BVMT.

3.5. Giải pháp về kiểm tra, giám sát

- Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật, đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực ĐĐ, TNKS, BVMT; tăng cường chỉ đạo kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm về ĐĐ, TNKS, BVMT và các tổ chức, cá nhân buông lỏng quản lý, không có biện pháp xử lý dứt điểm để trường hợp vi phạm kéo dài.

- Tăng cường sự phối hợp của các cấp, các ngành trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát để phát hiện, xử lý kịp thời đúng pháp luật các hành vi vi phạm pháp luật trong quản lý, khai thác và sử dụng ĐĐ, TNKS, BVMT, phát huy vai trò giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên, cộng đồng dân cư. Ban hành các quy chế, quy định về sự phối hợp, phân cấp quản lý và xác định trách nhiệm trong quản lý ĐĐ, TNKS, BVMT.

4. Danh mục nhiệm vụ, dự án ưu tiên thực hiện đến năm 2025

Ngoài các nhiệm vụ thường xuyên, thuộc trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương nêu tại phần III của Đề án, có 14 nhiệm vụ, dự án ưu tiên thực hiện đến năm 2025 của cơ quan nhà nước về ĐĐ, TNKS, BVMT, tập trung vào quy hoạch, kế hoạch SDD; xác định, điều chỉnh giá đất hàng năm; điều tra đánh giá tài nguyên đất đai trên địa bàn tỉnh; chỉnh lý bản đồ địa chính; cấp giấy chứng nhận quyền SDD; cơ sở dữ liệu đất đai, môi trường; khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản tỉnh và khu cấm, tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông; vùng nguyên liệu cát nghiền; định mức cát nghiền; quan trắc tự động môi trường; quy hoạch tổng thể chất thải rắn; hệ

thống thông tin và cơ sở dữ liệu môi trường; thí điểm phân loại rác thải tại nguồn. *(Phụ lục kèm theo).*

III. KẾ HOẠCH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện và nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước (gồm nguồn chi đầu tư công, chi sự nghiệp, ngân sách trung ương hỗ trợ) và các nguồn hợp pháp khác, cụ thể:

- Nguồn ngân sách nhà nước: Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục, tuyên truyền và nhiệm vụ thường xuyên thuộc trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương về ĐĐ, TNKS, BVMT sẽ được phân bổ hàng năm theo quy định. Chi thực hiện các nhiệm vụ, dự án ưu tiên thực hiện đến năm 2025 là 189.459 triệu đồng.

- Kêu gọi đầu tư, xã hội hóa: Chủ yếu kêu gọi đầu tư dự án xử lý chất thải,... (nếu có) không nằm trong kinh phí Đề án này.

2. Hiệu quả kinh tế - xã hội

Kết quả của Đề án giúp các cơ quan tham mưu, các nhà hoạch định chính sách có cơ sở khoa học và thực tiễn để hoàn thiện và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật ĐĐ, KS, BVMT kịp thời và đồng bộ; nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; quản lý chặt chẽ về số lượng, chất lượng giá trị kinh tế nguồn tài nguyên ĐĐ, TNKS; nâng cao chất lượng công tác lập, thực hiện quy hoạch, kế hoạch SDD, đảm bảo phân bổ nguồn tài nguyên này cho các ngành, lĩnh vực một cách hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương và cả nước.

Về mặt xã hội, kết quả của Đề án là căn cứ để các sở, ban, ngành, chính quyền các cấp nhìn nhận, đánh giá được thực trạng thực thi các chính sách về ĐĐ, TNKS, BVMT ở lĩnh vực, ngành, địa phương. Trên cơ sở đó đề ra phương án phân bổ nguồn tài nguyên ĐĐ, TNKS và BVMT; hoàn thiện cơ sở dữ liệu ĐĐ, TNKS, BVMT; công khai, minh bạch trong công tác giải quyết các TTHC về ĐĐ, TNKS, BVMT góp phần ổn định chính trị, đảm bảo an sinh xã hội trong thời kỳ hội nhập kinh tế thế giới.

3. Tính bền vững và khả năng rủi ro của Đề án

Kết quả của Đề án mang lại lợi ích thiết thực làm cơ sở quan trọng trong việc nâng cao năng lực, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, bảo đảm tài nguyên ĐĐ, TNKS và BVMT được quản lý chặt chẽ, hoạt động khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững, góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và phát triển KT-XH bền vững. Việc thực hiện Đề án đòi hỏi sự phối hợp của nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân nên mức độ rủi ro phụ thuộc vào năng lực của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia; phụ thuộc vào thông tin, số liệu hiện có của các địa phương và khả năng đáp ứng tài chính để việc thực hiện Đề án được bảo đảm đạt hiệu quả, đúng tiến độ.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đoàn thể

a) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án; theo dõi tiến độ thực hiện Đề án ở các cấp, các ngành; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện hàng năm, kiến nghị các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Đề án ở các cấp, các ngành; tổng kết, rút kinh nghiệm từ thực tế thực hiện Đề án; đề xuất các tổ chức, cá nhân có thành tích được khen thưởng hoặc bình xét thi đua hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện, UBMT tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Đề án theo lĩnh vực quản lý gồm:

+ Rà soát, nghiên cứu tham mưu điều chỉnh hoặc ban hành mới văn bản pháp quy thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh cụ thể hóa các quy định pháp luật, các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về quản lý, bảo vệ, sử dụng ĐĐ, TNKS và BVMT nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác QLNN trong các lĩnh vực này ở các cấp, các ngành, địa phương,...

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức, kiến thức pháp luật về ĐĐ, TNKS và BVMT; thường xuyên đối thoại tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, phản ánh trong quá trình thực thi pháp luật về đất đai, TNKS và BVMT của doanh nghiệp và Nhân dân, hạn chế tình trạng vi phạm pháp luật.

+ Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng thẩm định các hồ sơ môi trường ĐĐ, TNKS và BVMT, đảm bảo chặt chẽ, đúng trình tự thủ tục và quy định pháp luật; thường xuyên rà soát, kịp thời điều chỉnh và công bố các thủ tục hành chính theo quy định mới ban hành; hướng dẫn các chủ đầu tư dự án thực hiện và hoàn thành các TTHC trong những lĩnh vực này, không để xảy ra tình trạng dự án đã đi vào hoạt động nhưng chưa thực hiện thủ tục ĐĐ, TNKS hay BVMT.

+ Thường xuyên tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về ĐĐ, TNKS, BVMT trong quản lý nhà nước của cấp huyện, cấp xã và trong hoạt động khai thác, sử dụng ĐĐ, TNKS, BVMT của các tổ chức, cá nhân. Xử lý nghiêm đối với tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật, kịp thời tham mưu thu hồi đất những dự án đã giao, cho thuê nhưng chủ đầu tư không triển khai, triển khai không đúng tiến độ, không có năng lực thực hiện dự án.

- Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể trong từng lĩnh vực:

** Đối với lĩnh vực đất đai:*

+ Rà soát, đánh giá đầy đủ tình hình triển khai thi hành pháp luật về đất đai trên địa bàn và có kế hoạch, biện pháp cụ thể để chấn chỉnh, xử lý, khắc phục kịp thời những tồn tại, bất cập, hạn chế trong việc thực hiện từng nội dung nhiệm vụ quản lý ĐĐ.

+ Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích SDD trồng lúa, đất rừng phòng hộ và rừng đặc dụng sang mục đích khác; chủ động đề xuất, kiến nghị thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật đất đai đối với những dự án, công trình đã được giao đất, cho thuê đất mà qua thanh tra, kiểm tra, kiểm toán đã phát hiện sai quy định, không đưa đất vào sử dụng, gây lãng phí ĐĐ và bức xúc trong dư luận xã hội.

+ Khẩn trương thực hiện việc xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu ĐĐ quốc gia theo mô hình thống nhất đảm bảo đúng tiến độ, nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 1975/QĐ-TTg ngày 30/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự án “Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai” để quản lý, khai thác hiệu quả, liên thông, tích hợp và chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin của các sở, ngành, địa phương; trong đó lưu ý việc xây dựng hệ thống phần mềm phục vụ việc quản lý, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu ĐĐ thống nhất từ trung ương đến địa phương theo quy định.

+ Có kế hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, khuyến khích các đơn vị sự nghiệp; các doanh nghiệp địa bàn tỉnh có đủ điều kiện theo quy định để hoạt động tư vấn giá đất trên địa bàn tỉnh.

+ Tham mưu UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá theo đúng quy định pháp luật, nhất là những khu đất có giá trị cao sau khi rà soát, sắp xếp lại các cơ sở nhà, đất của Nhà nước để chống thất thu ngân sách nhà nước, phòng chống tiêu cực và tham nhũng trong lĩnh vực này. Tham mưu và trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện công tác điều tra, đánh giá ĐĐ; thực hiện tốt điều tra, khảo sát giá đất thị trường, xây dựng và thẩm định giá đất, tăng cường công tác định giá đất cụ thể bảo đảm chất lượng và thời gian yêu cầu. Hoàn thiện công tác điều tra cơ bản về ĐĐ; công tác điều tra, khảo sát giá đất thị trường, xây dựng và thẩm định giá đất; tăng cường công tác định giá đất cụ thể bảo đảm chất lượng và thời gian yêu cầu.

+ Đánh giá tổng thể tình hình đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký ĐĐ, cấp giấy chứng nhận quyền SDD, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai thời gian qua để đề xuất những giải pháp phù hợp trong thời gian tới nhằm xử lý dứt điểm những tồn tại và hoàn thành việc đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền SDD, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

+ Thường xuyên kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về đất đai của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để phát hiện kịp thời những vi phạm trong quản lý, SDD. Kiên quyết xử lý đối với tổ chức cố ý vi phạm pháp luật đất đai, kịp thời tham mưu UBND tỉnh thu hồi đất những dự án

đã giao, cho thuê nhưng chủ đầu tư không triển khai, triển khai không đúng tiến độ, chủ đầu tư không có năng lực thực hiện dự án.

** Đối với lĩnh vực Tài nguyên khoáng sản:*

+ Đẩy mạnh công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản; rà soát, đề xuất xử lý dứt điểm các dự án titan; đánh giá làm rõ nguyên nhân dự án khai thác, chế biến khoáng sản chậm hoặc không triển khai và xử lý theo đúng quy định.

+ Thực hiện thường xuyên công tác hậu kiểm, giám sát hoạt động khoáng sản, đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định; kiểm soát chặt chẽ sản lượng khai thác, đảm bảo kê khai, nộp thuế theo đúng khối lượng thực tế khai thác; có các giải pháp hữu hiệu để thu nộp đầy đủ tiền cấp quyền, các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

+ Rà soát, thẩm tra năng lực chủ đầu tư, các cơ sở sử dụng công nghệ, thiết bị lạc hậu để yêu cầu cải tạo, nâng cấp, thay thế bằng công nghệ khai thác, chế biến hiện đại, thân thiện với môi trường nhằm khai thác, thu hồi tối đa khoáng sản và sản xuất, chế biến tạo ra các sản phẩm mới để gia tăng hiệu quả, giá trị tài nguyên khoáng sản.

+ Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, các Quy chế phối hợp đã ký kết giữa các sở, ngành và địa phương; thường xuyên phối hợp kiểm tra, quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, từng bước ngăn chặn và chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn tỉnh.

** Đối với lĩnh vực bảo vệ môi trường:*

+ Xây dựng quy định, chỉ thị, kế hoạch về quản lý chất thải rắn (rác thải sinh hoạt và phân loại chất thải tại nguồn, chất thải nguy hại, bùn bể phốt, nạo vét hệ thống xử lý nước thải, cống rãnh; chất thải y tế, nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng,...). Tiếp tục tổ chức thực hiện Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến 2050 và tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị;

+ Hướng dẫn, kiểm tra và yêu cầu cơ sở có nguồn nước thải, khí thải trong danh mục quy định hoàn thành lắp đặt hệ thống quan trắc tự động nguồn thải theo quy định; chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giám sát chặt chẽ các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm cao, có quy mô xả thải lớn, yêu cầu thực hiện nghiêm quy định về lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, kết nối số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ Điều tra, thống kê nguồn phát sinh khí thải, xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng không khí của tỉnh; phối hợp rà soát, di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh không đảm bảo đủ điều kiện theo quy định, có nguy cơ ô nhiễm ra khỏi đô thị, khu dân cư. Tiếp tục thực hiện Quyết định 985a/QĐ-TTg

ngày 1/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến 2025.

+ Duy trì hoạt động quan trắc môi trường tỉnh định kỳ. Tăng cường các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát dự án đầu tư, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ONMT cao; tập trung xử lý ONMT, phấn đấu chất lượng môi trường được cải thiện năm sau cao hơn năm trước; chủ trì phối hợp cơ quan, địa phương liên quan kiểm tra, hướng dẫn các làng nghề thực hiện các biện pháp kiểm soát nguồn thải và ban hành các danh mục làng nghề bị ô nhiễm cần xử lý; tăng cường công tác BVMT nông thôn, nhất là quản lý thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản. Tăng cường năng lực thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải, hạn chế tối đa việc chôn lấp rác thải. Tập trung xử lý chất thải độc hại, chất thải y tế. Phối hợp rà soát, bổ sung chính sách để khuyến khích mạnh mẽ hơn các doanh nghiệp đầu tư xử lý chất thải rắn, nước thải; đẩy mạnh xã hội hóa công tác thu gom, xử lý chất thải.

- Thực hiện các nhiệm vụ, dự án ưu tiên tại Phụ lục.

b) Sở Công thương:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tham mưu, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo các yêu cầu BVMT theo thẩm quyền quản lý đối với các cụm công nghiệp (CCN), các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khai thác, chế biến khoáng sản... và tập trung triển khai các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Nâng cao chất lượng thẩm định các dự án đầu tư, rà soát, sàng lọc các dự án/cơ sở có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao, không đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường, không đảm bảo quỹ đất xây dựng công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu để loại bỏ hoặc di dời vào các CCN hoặc yêu cầu đổi mới công nghệ; tăng cường giám sát các chủ cơ sở sản xuất đang hoạt động/các chủ án đầu tư mới thuộc lĩnh vực quản lý thực hiện xây dựng và vận hành các công trình bảo vệ môi trường, xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường;

- Đôn đốc các chủ đầu tư hạ tầng CCN đang hoạt động phải hoàn thành hạ tầng kỹ thuật về môi trường, đặc biệt là hệ thống thoát nước, xử lý nước thải tập trung. Kiểm soát chặt chẽ việc thu hút đầu tư, chỉ cho phép thu hút dự án đầu tư có ngành nghề sản xuất phù hợp với quy hoạch ngành nghề CCN và đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật về môi trường.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đôn đốc, chỉ đạo các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan có liên quan thực hiện các nội dung được phân công tại Kế hoạch số 2615/KH-UBND ngày 16/6/2022 về hạn chế và tiến tới cấm sử dụng túi ni lông khó phân hủy, đồ nhựa dùng một lần tại các siêu thị, trung tâm thương mại, khu du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, khách sạn trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan rà soát các quy hoạch khoáng sản đã được phê duyệt thuộc ngành quản lý, tham mưu tích hợp vào Quy hoạch

tỉnh; thực hiện cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đúng quy định, đảm bảo an toàn; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo đúng quy định pháp luật.

c) Sở Xây dựng:

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương trong việc nâng cao hiệu quả, chất lượng trong công tác quy hoạch các khu dân cư, đô thị, phù hợp với thực tế nhu cầu của người dân và định phương phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo giá trị sử dụng đất, thúc đẩy thị trường bất động sản. Công bố công khai các thông tin các đề án quy hoạch được duyệt, chương trình, kế hoạch, quy hoạch phát triển đô thị, nhà ở, đất ở nhằm ngăn chặn các hiện tượng đầu cơ tăng giá bất động sản.

- Tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn và phối hợp với các sở, ngành, địa phương kiểm tra, phát hiện kịp thời, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng.

- Rà soát các loại khoáng sản, tham mưu điều chỉnh, bổ sung, tích hợp vào Quy hoạch tỉnh, đảm bảo sát với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu phát triển KT-XH trong giai đoạn đến năm 2030; nâng cao chất lượng thẩm định dự án khai thác, chế biến khoáng sản; hướng dẫn việc áp dụng định mức, hỗ trợ lập hồ sơ xác nhận, công bố hợp quy đối với sản phẩm vật liệu mới (*cát nghiền nhân tạo*); rà soát, đề xuất bổ sung danh mục xuất khẩu khoáng sản vật liệu xây dựng (*đá khối, đá ốp lát, đá xây dựng các loại*) có thế mạnh của tỉnh.

- Tập trung đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị, nâng cấp, cải tạo hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, thu gom và xử lý chất thải rắn, cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường đô thị; tập trung đầu tư hoàn thành đồng bộ hệ thống thoát nước thành phố Phan Rang-Tháp Chàm và các thị trấn Khánh Hải, Phước Dân và Tân Sơn; khắc phục tình trạng ngập úng cục bộ các đường nội thị và các khu dân cư.

- Hướng dẫn, triển khai, giám sát việc lập và tổ chức thực hiện quy hoạch chi tiết, việc lập và tổ chức thực hiện dự án thoát nước, xử lý nước thải theo lộ trình, kế hoạch trong Quy hoạch thoát nước các đô thị và Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; nâng cao chất lượng thẩm định các quy hoạch và thiết kế cơ sở của dự án đầu tư phải phù hợp với quy hoạch, đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường theo quy chuẩn, bố trí đủ quỹ đất để xây dựng các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường.

- Chủ trì phối hợp UBND cấp huyện, các sở ngành, cơ quan liên quan tổ chức điều tra, thống kê tình hình phát sinh chất thải rắn xây dựng, bùn bể tự hoại, bùn nạo vét công rãnh, bùn hệ thống xử lý nước thải. Nghiên cứu đề xuất bổ sung vào quy hoạch các khu xử lý, tái chế chất thải rắn xây dựng, bùn thải bể tự hoại, nạo vét công rãnh vào quy hoạch của tỉnh; đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt.

- Thực hiện các nhiệm vụ, dự án ưu tiên tại Phụ lục.

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Nâng cao hiệu quả, chất lượng trong công tác chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp, đảm bảo sử dụng các loại đất hiệu quả (đất trong lâm nghiệp, đất sản xuất nông nghiệp, đất thủy sản, đất sản xuất muối, đất làm hồ đập,...).

- Tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch SDD cấp tỉnh, cấp huyện được cấp thẩm quyền phê duyệt và công tác giao đất, cho thuê đất, giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng, đất rừng, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật về đất đai và lâm nghiệp.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng thông qua các giải pháp tái sinh, phục hồi rừng, làm giàu rừng; tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong công tác bảo vệ và phát triển rừng trồng nhằm cải thiện sinh kế và cơ hội việc làm trong lâm nghiệp.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường trong thực hiện tốt công tác điều tra hiện trạng SDD, kiểm kê rừng để đề xuất quy hoạch, kế hoạch SDD, quy hoạch rừng đúng quy định của pháp luật và phù hợp tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH.

- Tăng cường kiểm tra, nâng cao hiệu quả các dự án nạo vét, nâng cấp hồ chứa, công trình thủy lợi và các dự án cải tạo đất nông nghiệp có thu hồi khoáng sản, tránh việc lợi dụng thực hiện dự án để khai thác khoáng sản trái phép.

- Xây dựng và hướng dẫn thực hiện các biện pháp BVMT trong hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, phát triển nông thôn và kiểm soát ô nhiễm từ hoạt động này; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới thân thiện môi trường trong sản xuất nông nghiệp. Tham mưu xây dựng chuỗi liên kết từ các cơ sở, trang trại chăn nuôi đến các đơn vị sản xuất phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp sạch trên địa bàn để tận thu chất thải, giảm thiểu phát thải ra môi trường; nghiên cứu, hướng dẫn phát triển các mô hình chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản gắn với các mô hình cảnh quan sinh thái; nghiên cứu phát triển các mô hình sản xuất các sản phẩm từ các vật liệu truyền thống sẵn có của địa phương để thay thế túi nilon và các sản phẩm nhựa dùng một lần.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, hỗ trợ cấp huyện, cấp xã, các làng nghề, cơ sở sản xuất việc tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý, thu gom, xử lý vỏ bao bì hóa chất BVTV thải bỏ, xã hội hóa dịch vụ vận chuyển vỏ bao bì hóa chất BVTV thải bỏ đi xử lý; việc thực hiện các yêu cầu về BVMT đối với các trang trại chăn nuôi, đặc biệt là việc thu gom, xử lý chất thải của các cơ sở chăn nuôi lợn; việc thực hiện các biện pháp kiểm soát đối với các hoạt động xả nước thải, rác thải, xác súc vật chết vào các công trình thủy lợi, đặc biệt là khi có dịch bệnh xảy ra.

đ) Sở Tài chính:

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, sở, ngành, địa phương và

các đơn vị có liên quan dành tối thiểu 10% tổng số thu tiền SDD theo phân cấp ngân sách để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký ĐĐ, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền SDD theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2011 và Quyết định số 191/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2018.

- Tham mưu UBND tỉnh thực hiện chặt chẽ việc thẩm định giá đất cụ thể theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi rà soát, sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của Nhà nước, thực hiện đúng quy định các trường hợp phải đấu giá, nhằm chống thất thu ngân sách, thất thoát tài sản của nhà nước và phòng, chống tiêu cực, tham nhũng.

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách hàng năm, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh cân đối kinh phí đối với các nhiệm vụ chi thường xuyên và chi đầu tư của các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ Đề án theo quy định.

e) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc xem xét, thẩm định đề xuất dự án đầu tư; sàng lọc, loại bỏ các dự án đầu tư không phù hợp quy hoạch, công nghệ lạc hậu có nguy cơ ô nhiễm cao, ưu tiên thu hút đầu tư các dự án có công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định chặt chẽ năng lực tài chính của các nhà đầu tư; kiểm tra tiến độ thực hiện dự án, đối với các dự án chậm tiến độ, kiên quyết tham mưu UBND tỉnh chấm dứt hoạt động dự án đầu tư theo quy định, làm cơ sở thu hồi đất, tránh lãng phí nguồn lực đất đai, tài nguyên khoáng sản.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch và phân bổ các nguồn vốn đầu tư phát triển để thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật về đầu tư công; huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển trong và ngoài nước vào lĩnh vực môi trường.

g) Sở Giao thông vận tải:

- Tổ chức thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực giao thông vận tải thuộc phạm vi quản lý theo quy định. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm các phương tiện giao thông vận chuyển khoáng sản quá khổ, quá tải trọng cho phép của đường bộ; tăng cường kiểm định kiểm soát khí thải các phương tiện giao thông; giám sát việc thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường khi cấp phép thi công trên các tuyến đường bộ theo quy định;

- Tham mưu các biện pháp tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí đối với hoạt động giao thông, đặc biệt là đối với các hoạt động vận chuyển khoáng sản trong quá trình thi công các công trình xây dựng và khai thác khoáng sản.

h) Sở Khoa học và Công nghệ:

Trên cơ sở đề xuất đặt hàng của Sở Tài nguyên và Môi trường, tham mưu đề xuất Hội đồng khoa học tỉnh xem xét thực hiện các dự án, đề tài nghiên cứu và chuyên gia tiến bộ khoa học công nghệ về xử lý, tái chế chất thải (như chất thải nhựa, chất thải xây dựng, bùn bể tự hoại, chất thải chăn nuôi), khắc phục ô nhiễm môi trường, sản xuất vật liệu thay thế túi nilon phù hợp với điều kiện tỉnh Ninh Thuận.

i) Sở Nội vụ:

- Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh biên chế theo quy định, đảm bảo đáp ứng yêu cầu công tác QLNN về ĐĐ, TNKS, BVMT của Ủy ban nhân dân các cấp. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện thủ tục hành chính về ĐĐ, TNKS, BVMT của Ủy ban nhân dân các cấp, các sở, ngành.

- Rà soát, bổ sung tiêu chí về công tác BVMT trong việc bình xét thi đua của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là bổ sung tiêu chí đánh giá đối với kết quả thực hiện Đề án của các tổ chức, cá nhân là một trong những tiêu chí bình xét thi đua; xây dựng quy định tổ chức giải thưởng môi trường ở tỉnh.

- Rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước ngành tài nguyên và môi trường từ cấp tỉnh đến cấp xã; Phối hợp với các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

k) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Chỉ đạo xây dựng hương ước gắn với yêu cầu BVMT tại các thôn, làng, tổ dân phố. Phối hợp các ngành và địa phương rà soát, tham mưu điều chỉnh bổ sung quy định BVMT tại các khu, điểm du lịch, danh lam thắng cảnh và di tích trên địa bàn tỉnh; phối hợp thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về BVMT trong hoạt động du lịch, quản lý di tích và danh lam thắng cảnh.

l) Sở Tư pháp:

Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản chung của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; phối hợp xây dựng thể chế ĐĐ, TNKS, BVMT phù hợp với thực trạng, tình hình và điều kiện của tỉnh. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp những bất cập, chồng chéo, vướng mắc giữa các quy định của pháp luật trong lĩnh vực ĐĐ, TNKS, BVMT để kịp thời đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn, điều chỉnh, bổ sung.

m) Sở Y tế:

Chủ trì, phối hợp, tham mưu tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo các yêu cầu về BVMT đối với các cơ sở y tế. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ về thu

gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận theo quy định.

n) Sở Giáo dục và Đào tạo:

Chủ trì, phối hợp biên tập tài liệu và tổ chức hoạt động tuyên truyền trong các cấp học nhằm nâng cao nhận thức, ý thức BVMT cho học sinh; đưa nội dung phân loại chất thải và giảm thiểu chất thải nhựa thành tiêu chí đánh giá trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn.

o) Sở Thông tin và Truyền thông:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, chỉ đạo các cơ quan truyền thông thường xuyên tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về ĐĐ, TNKS và BVMT đến các tổ chức, người dân. Kịp thời phản ánh các hành vi vi phạm pháp luật trong quản lý, sử dụng đất đai.

p) Thanh tra tỉnh:

Hướng dẫn, thống nhất kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm; đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra ở các cấp, các ngành hàng năm. Chủ động tham mưu UBND tỉnh giao nhiệm vụ và thực hiện thanh tra đột xuất các ngành, địa phương, các vụ việc có dấu hiệu vi phạm, dư luận xã hội phản ánh tiêu cực, tham nhũng, phát sinh nhiều đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác quản lý ĐĐ, TNKS, BVMT. Hướng dẫn, đôn đốc, giám sát các địa phương, đơn vị thực hiện khắc phục sau thanh, kiểm tra.

q) Công an tỉnh:

Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành chức năng, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, ngăn chặn hiệu quả các hành vi vi phạm về ĐĐ, TNKS, BVMT; kiểm tra, điều tra, xử lý kịp thời, triệt để các trường hợp vi phạm về ĐĐ, khai thác, vận chuyển, tiêu thụ khoáng sản trái phép, vận chuyển, đổ thải, chuyển giao chất thải không đúng quy định và hành vi vi phạm môi trường trong hoạt động giao thông vận tải, không để xảy ra các điểm nóng về ĐĐ, TNKS, BVMT trên địa bàn.

r) Cục Thuế:

Tăng cường các biện pháp thu đúng, đủ các loại thuế, phí và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các đối tượng phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính về ĐĐ, TNKS, BVMT. Đôn đốc, chỉ đạo, hướng dẫn các Chi cục thuế tạo thuận lợi trong việc thực hiện các thủ tục về nghĩa vụ thuế, tài chính cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

s) Ban quản lý các khu công nghiệp (KCN) tỉnh:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định BVMT theo thẩm quyền đối với các KCN. Theo dõi, giám sát, đôn đốc các chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN đang hoạt động chưa hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật về môi trường khẩn trương hoàn thành hệ

thống XLNT tập trung, lắp đặt thiết bị quan trắc tự động nước thải và truyền dữ liệu quan trắc theo quy định.

- Hướng dẫn, yêu cầu các chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN phải thực hiện đầy đủ các thủ tục ĐTM, GPMT theo quy định; chỉ đưa KCN vào hoạt động sau khi đã hoàn thiện công trình xử lý nước thải tập trung, đảm bảo thu gom xử lý triệt để nước thải phát sinh từ các dự án thứ cấp trong KCN; kêu gọi, thu hút các dự án thứ cấp có ngành nghề sản xuất phù hợp với quy hoạch ngành nghề của KCN. Hướng dẫn, yêu cầu các chủ dự án thứ cấp thực hiện đầy đủ các TTHC về ĐĐ, BVMT nhất là thủ tục giao đất, cho thuê đất, thủ tục đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, không cho phép xây dựng/vận hành đối với các dự án chưa hoàn thành thủ tục về đất đai, môi trường.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, cơ quan liên quan trong việc xem xét, thẩm định đề xuất dự án đầu tư; sàng lọc, ngăn chặn, loại bỏ các dự án đầu tư không phù hợp quy hoạch, công nghệ lạc hậu có nguy cơ ô nhiễm cao, không đủ quỹ đất đảm bảo cho việc xây dựng công trình xử lý chất thải, công trình phòng ngừa sự cố; ưu tiên thu hút đầu tư các dự án có công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường.

- Xây dựng quy chế phối hợp công tác quản lý môi trường KCN với các cơ quan chức năng có liên quan.

- Theo dõi, giám sát các hoạt động xả thải của các KCN; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý đối với trường hợp các dự án trong KCN đã triển khai xây dựng khi chưa có hồ sơ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”

u) Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Ninh Thuận:

Chủ trì, phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện các chuyên mục, phóng sự, bài viết về ĐĐ, TNKS, BVMT và phổ biến các quy định pháp luật về ĐĐ, TNKS và BVMT; đưa tin bài về những tấm gương điển hình, tiên tiến hoặc phản ánh các vi phạm pháp luật về ĐĐ, TNKS, BVMT.

v) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức đoàn thể:

Tăng cường chức năng giám sát, phản biện xã hội trong việc phát hiện vi phạm và kiến nghị hoặc chuyển thông tin vi phạm pháp luật về ĐĐ, TNKS, BVMT và pháp luật khác có liên quan đến cơ quan có thẩm quyền để xử lý vi phạm theo quy định; vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân thực hiện giữ gìn vệ sinh môi trường, duy trì thực hiện các phong trào xây dựng nếp sống văn hoá do Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị phát động; phát huy vai trò giám sát, phát hiện kịp thời báo cáo các cơ quan chức năng, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường.

x) Đối với các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với UBND cấp huyện để quản lý chặt chẽ việc sử dụng ĐĐ, TNKS, BVMT; xử lý các vấn đề về ĐĐ khi sắp xếp lại các cơ sở nhà, đất của Nhà nước và các doanh nghiệp nông, lâm nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Đối với lĩnh vực đất đai:

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về ĐĐ tại địa phương, phân công công chức, viên chức theo dõi địa bàn nắm bắt tình hình, sớm phát hiện và xử lý nghiêm túc ngay từ cơ sở các vi phạm theo thẩm quyền, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời, triệt để vi phạm theo quy định pháp luật. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về ĐĐ, nâng cao ý thức, nhận thức của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về chấp hành pháp luật đất đai.

- Tổ chức thực hiện công tác quản lý đất đai theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã được phê duyệt; thực hiện Lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện (thời kỳ 2026 – 2030) đảm bảo tiến độ, nâng cao chất lượng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất cho phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030; nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch SDD hàng năm cấp huyện. Tăng cường việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch SDD. Thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích SDD theo thẩm quyền và phù hợp với quy hoạch, kế hoạch SDD đã được phê duyệt; đối với đất lâm nghiệp phải được thực hiện thống nhất và đồng bộ theo quy định của Luật Lâm nghiệp; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích SDD trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã) tăng cường công tác quản lý nhà nước về ĐĐ; kiểm tra, rà soát tình hình quản lý SDD, xử lý những trường hợp cho thuê lại đất, rao bán, sang nhượng ĐĐ trái phép, đất không đúng mục đích....

- Rà soát, đánh giá đầy đủ tình hình triển khai thi hành pháp luật về đất đai trên địa bàn và có kế hoạch, biện pháp cụ thể để chấn chỉnh, xử lý, khắc phục kịp thời những tồn tại, bất cập, hạn chế trong việc thực hiện từng nội dung nhiệm vụ quản lý ĐĐ.

- Thanh tra, rà soát, đánh giá lại tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất công ích của địa phương, thực hiện đấu giá quyền SDD để cho thuê theo đúng quy định của pháp luật; kịp thời kiểm tra, phát hiện và kiên quyết xử lý những trường hợp cho thuê, cho mượn trái phép, sử dụng không đúng mục đích, không đúng đối tượng, không lập hồ sơ cho thuê đất công ích hoặc hồ sơ không đầy đủ, rõ ràng, không thực hiện đăng ký ĐĐ theo quy định;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng ĐĐ; thường xuyên kiểm tra và có biện pháp chấm dứt ngay tình trạng UBND cấp xã cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê đất sản xuất, kinh doanh, xây dựng các công trình không đúng thẩm quyền, vi phạm pháp luật về đất đai; tập trung xử lý dứt điểm các trường hợp lấn, chiếm ĐĐ tự ý chuyển mục đích, giao đất, cho thuê đất, chuyển nhượng quyền SDD trái quy định, chiếm đất hành lang công trình giao thông, thủy lợi, xây dựng nhà ở, các công trình xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp...; xử lý trách nhiệm đối với UBND cấp xã,

nhất là người đứng đầu buông lỏng quản lý, để xảy ra tình trạng lấn, chiếm, SDD sai mục đích, khai thác đất mặt trái phép. Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và pháp luật nếu thiếu kiểm tra, chỉ đạo, xử lý để tình trạng nêu trên xảy ra trên địa bàn.

- Tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các vụ tranh chấp, khiếu nại, tố cáo có liên quan đến ĐĐ; không để tình trạng chậm trễ, đùn đẩy trách nhiệm trong giải quyết yêu cầu, khiếu nại của người dân; ngăn ngừa các hành vi vi phạm về quản lý, SDD dẫn tới tranh chấp, khiếu nại, tố cáo.

b) Đối với lĩnh vực Tài nguyên khoáng sản:

- Triển khai thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ khoáng sản (KS) tại địa phương, nhất là ở khu vực giáp ranh giữa các xã, các huyện.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, xử lý nghiêm các đơn vị khai thác, vận chuyển, tiêu thụ KS trái phép; có biện pháp quản lý, ngăn chặn hiệu quả không để xảy ra tình trạng khai thác KS trái phép tái diễn, tạo điểm nóng tại địa phương. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh nếu để xảy ra tình trạng khai thác KS trái phép, nhất là khai thác cát, sỏi lòng sông, vật liệu san lấp,... kéo dài trên địa bàn quản lý mà không có giải pháp xử lý, ngăn chặn triệt để, dứt điểm.

- Chủ động quan tâm bố trí cán bộ công chức có trình độ, năng lực phù hợp, đáp ứng yêu cầu khi tham gia thực hiện nhiệm vụ; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý khoáng sản.

c) Đối với lĩnh vực bảo vệ môi trường:

- Xác định nhiệm vụ, yêu cầu về BVMT của địa phương; căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án, hàng năm xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện về các vấn đề bức xúc nổi cộm ở địa phương, như: quản lý chất thải, cải thiện môi trường nông nghiệp nông thôn; phối hợp các sở, ngành tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về công tác BVMT thuộc địa bàn quản lý.

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ về xử lý nước thải (XLNT), rác thải sinh hoạt (RTSH) trên địa bàn, gồm:

+ Kiểm tra, giám sát các dự án xây dựng khu dân cư, đô thị, trung tâm thương mại phải xây dựng và hoàn thành việc xây dựng hệ thống XLNT tập trung trước khi có dân cư sinh sống, đảm bảo 100% các dự án khu dân cư có CTXLNT trước khi đi vào hoạt động; bố trí đủ kinh phí để duy trì chế độ vận hành hệ thống XLNT tập trung đảm bảo nước thải sinh hoạt của khu dân cư được thu gom và xử lý triệt để đạt quy chuẩn được phép xả thải.

+ Chủ động rà soát đánh giá thực trạng phát sinh, thu gom, xử lý RTSH, vỏ bao bì hóa chất BVTV thải bỏ; đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ thu gom, vận chuyển RTSH; xây dựng kế hoạch, lộ trình mở rộng mạng lưới thu gom đảm bảo đạt tỷ lệ thu gom, xử lý RTSH, vỏ bao bì hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật thải bỏ theo mục tiêu đã đặt ra; triển khai các mô hình phân loại RTSH tại nguồn

để từng bước nhân rộng và từng bước chuyển đổi công nghệ xử lý, giảm dần khối lượng RTSH phải chôn lấp.

+ Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị thu gom, vận chuyển rác thải; tổ chức, đầu tư, cải tạo, nâng cấp các khu/bãi chôn lấp rác thải đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường; đóng cửa các khu/bãi chôn lấp không đảm bảo vệ sinh; đầu tư cải tạo các khu/bãi chôn lấp cũ; giám sát hoạt động vận chuyển RTSH đối với các đơn vị thực hiện dịch vụ hợp đồng xử lý RTSH trên địa bàn. Xây dựng quy định, hướng dẫn phân loại rác thải tại nguồn phù hợp với điều kiện của địa phương; đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, vô hóa chất BVTV thải bỏ để xử lý với quy mô công nghiệp trong từng khu vực trên địa bàn tỉnh.

+ Giám sát hoạt động giao thông trên các tuyến đường trên địa bàn, kịp thời phát hiện, xử lý và khắc phục tình trạng rơi vãi nguyên vật liệu, đất đá trên đường hạn chế ô nhiễm bụi giao thông; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp kiểm soát ô nhiễm bụi đối với các dự án xây dựng khu đô thị, khu dân cư.

- Sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường đúng quy định, đảm bảo kinh phí cho hoạt động thu gom vận chuyển, xử lý chất thải; tuyên truyền BVMT; kiểm tra, đánh giá hiện trạng môi trường trên địa bàn; phát hiện và chủ động xử lý theo thẩm quyền các hành vi đổ trộm chất thải, xả thải trái phép trên địa bàn, báo cáo cơ quan chức năng khi vượt quá khả năng và thẩm quyền giải quyết; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra tình trạng ONMT trên địa bàn hoặc dự án đã triển khai xây dựng khi chưa có hồ sơ thủ tục về xây dựng và môi trường.

- Tổ chức thống kê tình hình hoạt động, cơ sở pháp lý, điều kiện vệ sinh môi trường của các cơ sở thu gom, thu mua phế liệu trên địa bàn mỗi huyện, thành phố. Chủ động rà soát, thống kê các cơ sở sản xuất gây ONMT, cơ sở nằm xen kẽ trong khu dân cư không phù hợp quy hoạch, không đảm bảo khoảng cách vệ sinh môi trường và xây dựng kế hoạch lộ trình di dời vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố chất thải trên địa bàn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về môi trường của các đơn vị sản xuất, kinh doanh trên địa bàn và theo thẩm quyền quản lý. Chỉ đạo, triển khai thiết lập đường dây nóng ở cấp huyện, cấp xã để tiếp nhận thông tin phản ánh về môi trường từ cộng đồng và tiếp nhận yêu cầu xác minh thông tin về ONMT trên địa bàn quản lý. Chỉ đạo UBND cấp xã tăng cường công tác giám sát hoạt động xả thải của các cơ sở sản xuất trên địa bàn.

d) Thực hiện các nhiệm vụ, dự án ưu tiên tại Phụ lục.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tuyên truyền, phổ biến luật về ĐĐ, TNKS và BVMT nâng cao nhận thức cho nhân dân trên địa bàn quản lý.

- Phát hiện, kiểm tra, áp dụng biện pháp ngăn chặn và xử lý, ngăn chặn kịp thời các vi phạm về ĐĐ thuộc thẩm quyền. Tổ chức bảo vệ khoáng sản chưa

khai thác trên địa bàn; thực hiện các biện pháp để phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản trái phép và xử lý nghiêm minh, dứt điểm hoạt động khai thác khoáng sản trái phép; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội tại các khu vực có khoáng sản. Tăng cường giám sát các hoạt động sản xuất, hoạt động xả thải và BVMT trên địa bàn và xử lý nghiêm minh theo thẩm quyền các hành vi vi phạm về BVMT, nhất là xả chất thải không đúng nơi quy định. Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện, thành phố nếu để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép, nhất là khai thác cát, sỏi lòng sông, vật liệu san lấp kéo dài trên địa bàn quản lý mà không có giải pháp xử lý, ngăn chặn triệt để, dứt điểm, hoặc để xảy ra tình trạng vi phạm về ĐĐ, tình trạng ONMT, vi phạm pháp luật về môi trường trên địa bàn mà không kịp thời có biện pháp giải quyết xử lý, ngăn chặn, hoặc báo cáo để được xem xét xử lý theo thẩm quyền.

- Chỉ đạo xây dựng hương ước gắn với yêu cầu BVMT tại khu dân cư, thôn, xóm, khu phố; thành lập tổ tự quản về môi trường thường xuyên kiểm tra, giám sát và vận động, đôn đốc, hướng dẫn các hộ dân thực hiện nghiêm quy định về thu gom, vận chuyển RTSH, phân loại rác tại nguồn; hạn chế rác thải nhựa, sử dụng sản phẩm thân thiện môi trường; thu gom, xử lý vô hóa chất BVTV thải bỏ theo quy định, hương ước.

- Hòa giải tranh chấp về ĐĐ, TNKS, BVMT phát sinh trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Thông báo đến người dân kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri về ĐĐ, TNKS, BVMT của cơ quan chức năng.

- Phối hợp với các chủ đầu tư thực hiện tốt việc tham vấn cộng đồng trong quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM); hướng dẫn, tạo điều kiện cho các chủ đầu tư thực hiện việc niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường sau khi dự án được phê duyệt báo cáo ĐTM và Giấy phép môi trường.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tổ chức triển khai thực hiện Đề án; đôn đốc các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các cấp xây dựng kế hoạch chi tiết hàng năm để tổ chức thực hiện các nội dung Đề án; cập nhật, theo dõi việc thực hiện kế hoạch hàng năm của các sở, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể và UBND các cấp, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ Đề án.

- Định kỳ hằng năm (trước ngày 15/12), tổng hợp báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện Đề án cho Ủy ban nhân dân tỉnh; báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sơ kết, tổng kết giai đoạn thực hiện Đề án, kiểm điểm, rút kinh nghiệm kết quả thực hiện; kịp thời tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tăng cường việc thực hiện các nội dung của Đề án.

2. Các sở, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các cấp

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định và trên cơ sở mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm được phân công tại Đề án này và tại Kế hoạch số 1803/KH-UBND ngày 28/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình hành động của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 25/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV, Hàng năm (Chậm nhất trong tháng 01 của năm thực hiện), các sở, ban, ngành, đoàn thể và địa phương chủ động rà soát, nghiên cứu xây dựng kế hoạch chi tiết để tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án này, đảm bảo các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được thực hiện đạt kết quả như đã đề ra. Quá trình thực hiện, có vướng mắc, kịp thời báo cáo gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

- Định kỳ hằng năm (trước 05/12) báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Đề án cho Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) theo đề cương báo cáo kèm theo Đề án; nội dung báo cáo hàng năm phải nêu rõ mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã thực hiện (kèm số liệu) và đánh giá kết quả những nhiệm vụ, dự án, giải pháp đã thực hiện so với kế hoạch đề ra, những tồn tại, khó khăn vướng mắc, nguyên nhân khách quan, chủ quan, giải pháp khắc phục và phương hướng nhiệm vụ năm sau; kiến nghị đề xuất đối với Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Đề án này./.



Phụ lục
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2025
(Đính kèm theo Đề án)

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan thực hiện		Kinh phí ước tính (triệu đồng)				Nguồn vốn	Cơ sở đề xuất
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tổng	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		
I	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI								
1	Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện (2023, 2024, 2025)	UBND các huyện, thành phố	Các cơ quan liên quan	15.723	5.241	5.241	5.241	Kinh phí sự nghiệp	Luật Đất đai; Công văn số 4744/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03/9/2020
2	Lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện (thời kỳ 2026 - 2030)	UBND các huyện, thành phố	Các cơ quan liên quan	13.036	-	-	13.036	Kinh phí sự nghiệp	Luật Đất đai; Công văn số 4744/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03/9/2020
3	Lập Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2026 - 2030 tỉnh Ninh Thuận	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan	1.500	-	-	1.500	Kinh phí sự nghiệp	Luật Đất đai; Công văn số 4744/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03/9/2020
4	Xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất hàng năm (2023, 2024, 2025)	Sở Tài Chính	Các cơ quan liên quan	4.200	1.400	1.400	1.400	Kinh phí sự nghiệp	Luật Đất đai

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan thực hiện		Kinh phí ước tính (triệu đồng)				Nguồn vốn	Cơ sở đề xuất
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tổng	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		
5	Xây dựng bảng giá đất kỳ 2025 - 2029	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan	1.500	-	-	1.500	Kinh phí sự nghiệp	Luật Đất đai
6	Điều tra đánh giá tài nguyên đất đai trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan	14.000	3.000	6.000	5.000	Kinh phí sự nghiệp	Luật Đất đai
7	Đo đạc, chỉnh lý bổ sung bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan	70.000	8.000	30.000	32.000	Kinh phí sự nghiệp	Luật Đất đai
8	Hoàn thiện Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan	36.000	12.000	12.000	12.000	Kinh phí sự nghiệp	Luật Đất đai
II	LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN								
1	Điều tra, đánh giá, khoanh định vùng nguyên liệu cát nghiền và xây dựng, tham mưu ban hành định mức cát nghiền	Sở Xây dựng	Các cơ quan liên quan, UBND các huyện, thành phố	1.500	1.500	-	-	Kinh phí sự nghiệp	Luật Khoáng sản
2	Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông theo quy định	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan, UBND các	2.000	2.000	-	-	Kinh phí sự nghiệp	Luật Khoáng sản; Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan thực hiện		Kinh phí ước tính (triệu đồng)				Nguồn vốn	Cơ sở đề xuất
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tổng	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		
	và rà soát điều chỉnh khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đã được phê duyệt của tỉnh		huyện, thành phố						
III	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG								
1	Dự án tăng cường năng lực quan trắc tự động môi trường (lắp đặt 03 trạm quan trắc tự động: 01 không khí, 01 nước biển ven bờ; 01 nước sông Cái)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, địa phương liên quan	32.000	10.000	10.000	12.000	Đầu tư phát triển	Nghị quyết 06/NQ-CP ngày 21/01/2021; Kế hoạch số 3299/KH-UBND ngày 28/7/2021
2	Điều chỉnh Đồ án Quy hoạch tổng thể chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, điều kiện thực tế của tỉnh và đáp ứng công tác phân loại rác thải tại nguồn.	Sở Xây dựng	Sở Tài nguyên và Môi trường; các cơ quan, địa phương liên quan	2.000	2.000	-	-	Kinh phí sự nghiệp	Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018; Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020; Kế hoạch số 4316/KH-UBND ngày 03/12/2020

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan thực hiện		Kinh phí ước tính (triệu đồng)				Nguồn vốn	Cơ sở đề xuất
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tổng	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		
3	Xây dựng hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường cấp tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	2.000	2.000	-	-	Kinh phí sự nghiệp	Luật Bảo vệ môi trường ; Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/03/2019; Văn bản số 2180/BTNMT-TCMT ngày 27/4/2022
4	Lập, phê duyệt và triển khai thực hiện thí điểm Đề án phân loại rác thải tại nguồn tại một khu dân cư trên địa bàn một phường của thành phố Phan Rang-Tháp Chàm	Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang-Tháp Chàm	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	3.000	1.000	1.000	1.000	Kinh phí sự nghiệp	Luật Bảo vệ môi trường ; Kế hoạch 3299/KH-UBND ngày 28/7/2021
Tổng kinh phí thực hiện				189.459	48.141	65.641	84.677		